

Bản án số: 186/2019/HNGĐ-ST

Ngày 03 - 10 - 2019

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lương

Bà Ngô Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 577/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 189/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị L; địa chỉ: Thôn L2, xã TM, huyện NT, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Phú X; địa chỉ: Thôn L2, xã TM, huyện NT, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị Đỗ Thị L và anh Nguyễn Phú X kết hôn với nhau vào năm 2010, trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TM, huyện NT, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, anh Nguyễn Phú X không quan tâm đến vợ con dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xích mích và đã ly thân nhau từ tháng 01 năm 2019 đến nay. Chị Đỗ Thị L

nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn anh Nguyễn Phú X. Vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Phú Đ, sinh ngày 09 tháng 7 năm 2011. Khi ly hôn chị Đỗ Thị L xin được nuôi con. Về cấp dưỡng cho con, chị Đỗ Thị L không đề nghị Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Chị Đỗ Thị L không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ý kiến và đề nghị của bị đơn: Anh Nguyễn Phú X thống nhất với trình bày của chị Đỗ Thị L về thời gian, điều kiện kết hôn và thời điểm phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Anh Nguyễn Phú X trình bày về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh nghiện ma túy và đang phải đi cai nghiện ma túy nên không chăm lo cho vợ con được. Anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng nếu chị Đỗ Thị L nhất quyết xin ly hôn thì anh cũng theo nguyện vọng của chị Đỗ Thị L. Về con chung: Thống nhất với trình bày của chị Đỗ Thị L. Tài sản chung: Không có.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị Đỗ Thị L được ly hôn. Giao cho chị Đỗ Thị L trực tiếp nuôi con. Về cấp dưỡng cho con và tài sản chung không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Chị Đỗ Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án: Trích lục kết hôn bản sao số 1203/TLKH-BS ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện NT, thành phố Hải Phòng xác định chị Đỗ Thị L và anh Nguyễn Phú X kết hôn với nhau vào ngày 23 tháng 6 năm 2010; bản sao giấy khai sinh của con chung, bản sao căn cước dân, bản sao sổ hộ khẩu; tài liệu xác minh tại chính quyền địa phương xác định vợ chồng có mâu thuẫn từ năm 2018, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp và vợ chồng hiện sống ly thân nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Đỗ Thị L và anh Nguyễn Phú X được xác lập vào năm 2010 là hợp pháp. Tài liệu chứng cứ thu thập được thể hiện quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống và vợ chồng đã ly thân nhau. Anh Nguyễn Phú X thừa

nhận vợ chồng có mâu thuẫn do anh nghiện ma túy và đang đi cai nghiện nên không có điều kiện chăm sóc vợ con. Chứng tỏ, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận đề nghị của chị Đỗ Thị L là phù hợp Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Phú Đ, sinh ngày 09 tháng 7 năm 2011. Khi ly hôn, chị Đỗ Thị L xin được nuôi con. Xét thấy, chị Đỗ Thị L đang nuôi con ổn định nên giao con cho chị Đỗ Thị L nuôi con là phù hợp Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng cho con, chị Đỗ Thị L không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Đỗ Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Chị Đỗ Thị L được ly hôn anh Nguyễn Phú X.
2. Về con chung: Giao cho chị Đỗ Thị L trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Phú Đ, sinh ngày 09 tháng 7 năm 2011. Việc nuôi con được thực hiện cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.
3. Về án phí: Chị Đỗ Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002804 ngày 24 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; chị Đỗ Thị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.
4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã MT, huyện NT;
- Đương sự;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Anh Sơn